TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2020/ HNGĐ – ST
Ngày 17 /3/2020.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng; ông Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: " *Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 -3-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu D - sinh năm 1967.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc B - sinh năm 1954.

Cùng trú tại: Tổ dân phố P, phường N, TP.Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/12/2019; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc B đăng ký kết hôn tại UBND phường N,TP Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/3/2016 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát và đã sống ly thân từ tháng 10/ 2019 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B và đề nghị xét xử vắng mặt.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc B chưa có con chung và không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2019 bị đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị Thu D đúng như bà D đã trình bày. Trong cuộc sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay bà D xác

định tình cảm vợ chồng đã hết và xin ly hôn ông không nhất trí và đề nghị tòa án hòa giải cho về đoàn tụ, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông và bà D chưa có con chung nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về: "Ly hôn" giữa bà và ông Nguyễn Ngọc B trú tại: Tổ dân phố P, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D và bị đơn ông Nguyễn Ngọc B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Ngọc B có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/ 2016 tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Bà D khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xẩy ra sô sát và đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông B xác định tình cảm vẫn còn xin được đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Ông B, bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Ngọc B không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Ngọc B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu D được ly hôn ông Nguyễn Ngọc B.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005183 ngày 04-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND P.N ;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Hòa